

QUỸ ETF SSIAM VNX50

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: **61** /2018/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018
Ha Noi, 01 February 2018

**DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU ĐỂ
HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ
ETF**

**BASKET OF COMPONENT
SECURITIES AND CASH
TO EXCHANGE
FOR ONE LOT OF ETF**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol*: FUESSV50
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address*: Tầng 5, 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại/ *Tel*: 0243.9366321 Fax: 02439.366337

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:*

- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: **02/02/2018**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ *Components and weighting:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
<i>Order</i>	<i>Securities symbol</i>	<i>Volume</i>	<i>Weighting</i>
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1.500	4,3%
2	ASM	310	0,2%
3	BID	370	0,9%
4	BMP	80	0,5%
5	BVH	130	0,7%
6	CII	400	1,0%
7	CTD	60	0,8%
8	CTG	810	1,5%
9	DCM	280	0,3%
10	DHG	100	0,7%
11	DPM	310	0,5%
12	DRC	120	0,2%



13	DXG	420	0,9%
14	FLC	1.190	0,5%
15	FPT	930	4,0%
16	GAS	200	1,7%
17	GMD	350	1,0%
18	GTN	350	0,4%
19	HBC	230	0,7%
20	HCM	100	0,6%
21	HPG	1.700	7,2%
22	HSG	480	0,9%
23	HUT	400	0,3%
24	ITA	1.100	0,2%
25	KBC	820	0,7%
26	KDC	250	0,8%
27	MBB	2.110	4,5%
28	MSN	950	6,1%
29	MWG	450	4,2%
30	NKG	90	0,2%
31	NLG	160	0,4%
32	NT2	180	0,4%
33	NVL	370	2,1%
34	PDR	190	0,5%
35	PNJ	150	1,6%
36	PVD	430	0,8%
37	PVS	400	0,7%
38	REE	410	1,2%
39	ROS	250	2,9%
40	SAB	210	3,6%
41	SBT	710	1,0%
42	SHB	1.900	1,6%
43	SSI	760	1,8%
44	STB	3.500	3,8%
45	VCB	730	3,4%
46	VCG	100	0,2%
47	VCS	100	1,5%
48	VIC	1.660	10,0%
49	VJC	430	5,7%
50	VNM	670	9,5%
II	Tiền/Cash	12.033.287 VND	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and one lot of ETF in value:*

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value 1.425.289.000 VND
 - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF 1.437.322.287 VND
 - + Giá trị chênh lệch/ Spread in value 12.033.287 VND
 - + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / Plan to reduce the spread
 - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component
 - Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	78.500	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
2	SSI	34.550	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
3	VCB	66.600	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./
We declare that all information provided in this paper is true and accurate; We shall be legally responsible for any mispresentation.



Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC